

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN

(Thực hiện 4 tuần từ ngày 07/10/2024 - 01/11/2024)

I. KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động	Ghi chú
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a) Phát triển vận động						
1	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	` Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Co và duỗi tay ` Cúi về phía trước.	` Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	* Hoạt động học: ` Bài tập phát triển chung ` Hô hấp: Máy bay, gà gáy ` Tay: Hai tay đưa lên cao, ra trước, sang ngang + Đưa ra trước gập khủy tay + Đưa tay ra trước, sau + Đánh xoay tròn 2 hai vai. ` Lưng, bụng: + Đứng cúi gập về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Cúi người về trước, ngửa người ra sau + Nghiêng người sang bên. ` Chân: Bật chụm tách chân. Ngồi xổm, đứng lên nhún chân. ` Tập thể dục sáng theo nhạc bài: Mời bạn ăn, tay thơm, tay ngoan.	
2	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	` Quay sang trái, sang phải ` Nghiêng người sang trái, sang phải. ` Ngồi xổm, đứng lên; ` Bật tại chỗ	` Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. chân bước sang phải, sang trái	* Hoạt động chơi ` Chim bay, cò bay, ` Con thỏ, lá và gió Nhảy dân vũ: Tchu –	

					cha cha * Hoạt động chơi ` Chim bay, cò bay, ` Gieo hạt.	
5	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	* 4,5 T: ` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.		* Hoạt động học: Thể dục ` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - TC: Chuyển bóng	
6	5	Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).				
7	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bóng lên cao và bắt.		Tung bóng lên cao và bắt.	* Hoạt động học: Thể dục: ` Tung bóng lên cao và bắt (4t) ` Tung bắt bóng tại chỗ (5t) TC: Bắt chước tạo dáng	
8	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng tại chỗ		` Tung bắt bóng tại chỗ		
9	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m.)	* 4,5T ` Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m.)		* Hoạt động học: Thể dục: ` Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m (4t) ` Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6 m (5t) TC: Cò bắt ếch	
10	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x				

		0,6m.)				
11	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.	`	Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... ` Gập giấy	* Hoạt động chơi: + Chơi ngoài trời: xếp hình khối, vẽ hình người (Bạn trai, bạn gái...) + HDG: Góc nghệ thuật trẻ chơi với đất nặn, Sử dụng kéo, bút, Vẽ (nguyệt ngoạc; hình người), tô màu tranh.nặn đồ chơi	
12	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.		Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ, nắn		
13	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. ` Tụ cài, cời cúc, buộc dây giày.	* 4,5T: ` Xé, tô ` Cài, cời cúc ` Cắt đường (thẳng; vòng cung) ` Xâu, buộc dây	` Lắp ghép hình	* HD lao động: ` Hướng dẫn trẻ tụ cài quai dép, ba lô, cời cúc áo, buộc dây giày ` Thực hành: Cài quai dép, cài, cời cúc áo, buộc dây giày * HD chơi: ` Góc NT: Trẻ cắt theo đường thẳng, cắt theo đường viền hình vẽ. ` Góc XD: Xếp chồng các hình khối, lắp ghép hình, xây ngôi nhà, hàng rào, đường đi, bếp ăn.... ` Góc học tập: Thực hành: Tô, đồ các chữ cái theo nét in mờ...	
14	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. ` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.		Lắp ráp. ` Tô, đồ theo nét ` Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luôn		

		` Tụ cài, cỏi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mớ tuya)			
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.	` Nhận biết một số thực phẩm (Quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng) (một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, cá rán, rau sắn, rau bí, rau dớn, măng...).	* Hoạt động học: DDSK - Nhận biết phân loại 4 nhóm thực phẩm * Hoạt động chơi ` Giờ đón trả trẻ: Cô trò chuyện về bốn nhóm thực phẩm lợi ích của thực phẩm đối với cơ thể. Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc H'Mông. ` Góc PV: Bán hàng, nấu ăn. ` Trò chơi mới: Đi siêu thị mua sắm, búp bê nói - Giờ chơi góc ` Góc phân vai: Nấu ăn, bán hàng... ` Góc học tập: Xem tranh ảnh các món ăn, thực phẩm quen thuộc. - Xem video trò chuyện với trẻ về các loại thực phẩm, món ăn trong giờ trả trẻ.	
16	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... ` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	` Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. (một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, cá rán, rau sắn, rau bí, rau dớn, măng...).		

19	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết các bữa ăn trong ngày tại trường, gia đình: Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối, bữa phụ và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	<p>* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Giờ ăn: Cô giới thiệu và hướng dẫn trẻ kể tên 1 số món ăn quen thuộc, cách chế biến. DTV: Canh rau, cơm, thịt đậu. ` Cô giáo dục trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất đủ lượng cho cơ thể, cách ăn uống hợp lý không kén chọn thức ăn. ` Trong giờ đón trả trẻ cô cho trẻ xem video và trò chuyện với trẻ tác hại của ăn uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì 	
20	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
21	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. 	<p>*4-5 Tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. 		<p>* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh:</p> <p>- Giờ vệ sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Dạy trẻ rửa tay bằng xà phòng, lau mặt...trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh. ` Dạy trẻ xin cô khi có nhu cầu đi vệ sinh, ăn hết cơm. ` Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.
22	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn	<p>* 4-5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Đi vệ sinh 	Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	

		giàn: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	đúng nơi quy định.		Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. Thực hành: ` Rửa tay bằng xà phòng, lau mặt... ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
23	4	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: ` Dạy trẻ mời cô, mời bạn trước khi ăn. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách, không làm rơi vãi thức ăn. Ăn chín uống sôi, không đùa nghịch làm đổ vãi thức ăn... DTV: Cái bát, cái thìa, cái cốc. - Thực hành: Cầm bát, cầm thìa, cốc đúng cách khi ăn, uống.	
24	5	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo				
25	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn ` Không uống nước lã	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe theo phong tục văn hóa của địa phương.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn ` Dạy trẻ mời cô, mời bạn trước khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn. Ăn chín uống sôi, ăn từ tốn.. DTV: Con mời cô ăn cơm. ... ` Thực hành: Mời cô, mời bạn, ăn chín uống sôi, không đùa		
26	5	Trẻ có một số hành vi và thói				

		<p>quen trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. 		<p>ngịch khi ăn.</p> <p>* Hoạt động chơi:</p> <p>- Giờ đón trả trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Cô trò cho trẻ xem tranh ảnh, video và trò chuyện với trẻ về một số hành vi tốt trong ăn uống 	
27	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định. 	<p>* 4, 5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T) 	<p>* Hoạt động chơi:</p> <p>- Giờ đón trả trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Cô cho trẻ xem tranh ảnh, video một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Đội mũ, mặc áo ấm, đi tất, đi dép... DTV: Đi dép, mặc áo, đội mũ. <p>* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh.</p> <p>- Giờ vệ sinh:</p> <p>Dạy trẻ: Vệ sinh răng miệng.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Thực hành: Đánh răng. <p>* Hoạt động lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Dạy trẻ đội mũ khi ra nắng, đi dép, giày. ` Thực hành: Đội mũ, đi dép. 	
28	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. ` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. ` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc 		<p>* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh.</p> <p>- Giờ vệ sinh:</p> <p>Dạy trẻ: Vệ sinh răng miệng.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Thực hành: Đánh răng. <p>* Hoạt động lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Dạy trẻ đội mũ khi ra nắng, đi dép, giày. ` Thực hành: Đội mũ, đi dép. 	

		<p>sốt...</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Che miệng khi ho, hắt hơi. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. 			
35	4	<p>Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. ` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ <p>Kỹ năng bảo vệ vùng nhạy cảm của bé trai, bé gái</p>	<p>* Hoạt động chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Cô trò chuyện, cho trẻ xem tranh ảnh, video trong giờ đón trả trẻ về những trường hợp nguy hiểm và cách thoát khỏi nguy hiểm như : ngã chảy máu ` Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo ` Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. ` Thực hành: <ul style="list-style-type: none"> + Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm + Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt. - KNS: Kỹ năng bảo vệ vùng nhạy cảm của bé trai, bé gái 	
36	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... ` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: 			

		<p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo</p> <p>` Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>			
--	--	--	--	--	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a, Khám phá khoa học

39	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn... để tìm hiểu đặc điểm của bản thân	<p>` Chức năng các giác quan và một số bộ phận/các bộ phận khác của cơ thể. (thính giác: tai, thị giác: mắt, khứu giác: mũi, vị giác: lưỡi, xúc giác: bề mặt da)</p>		<p>* Hoạt động học: KPKH</p> <p>` Trải nghiệm về các bộ phận, chức năng các giác quan của cơ thể bé (5E)</p> <p>* Hoạt động chơi:</p> <p>- Chơi ngoài trời: sử dụng giác quan để nhìn, sờ, ngửi...cây, hoa, rau...</p> <p>` Góc thư viện: Cho trẻ xem sách, lô tô về các bộ phận cơ thể.</p> <p>- Trò chơi: Nhóm các đồ vật theo giác quan, tay đẹp, mắt mồm tai...</p> <p>- Giờ đón trả trẻ:</p> <p>Cô cho trẻ xem tranh ảnh, video về các giác quan và một số bộ phận của cơ thể và trò chuyện</p>
44	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để quan sát... và thảo luận về đặc điểm cơ thể bé			

					với trẻ. DTV: giác quan, bộ phận cơ thể.
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
64	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2, đếm và nói kết quả.	<ul style="list-style-type: none"> ` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. 	<p>* Hoạt động học: Toán</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Tách, gộp nhóm có số lượng trong phạm vi 2. (4t) ` Tách, gộp nhóm có số lượng trong phạm vi 6. (5t) <p>* Hoạt động chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Trò chơi: Kết bạn, tìm đúng nhà, tìm bạn ` Chơi góc: góc phân vai, góc học tập...tách gộp đồ dùng, đồ chơi góc. ` Chơi ngoài trời: Tách gộp đá, sỏi, hạt ngô, nắp chai... 	
65		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			
66	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 và đếm.	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		
67		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 6 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.			
79	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	<p>Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) (với một vật nào đó làm chuẩn 5T) 	<p>* Hoạt động học: Toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt phải trái của bản thân và so với bạn khác. (4t) - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (trên dưới, trước sau) (4t) <p>Xác định vị trí đồ vật: Phía trên - Phía dưới; Phía trước- Phía sau so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. (5t)</p> <p>* Hoạt động chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Trò chơi: Mỡ làng, gió thổi, giấu tay, 	
80	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.			

				tay phải tay trái. * Hoạt động chơi: TCM: Tay phải, tay trái	
--	--	--	--	---	--

c, Khám phá xã hội

85	4	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích, quyền con người của bản thân	* Hoạt động học: KPXH Bé vui hay buồn (Lồng ghép quyền con người) * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: ` Cô trò chuyện với trẻ về tên, tuổi ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích, quyền con người của bản thân ` Thực hành: Cho trẻ giới thiệu về bản thân trẻ. ` Trò chơi: “Nhận đúng tên mình, búp bê nói”	
86	5	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và quyền con người vị trí của trẻ trong gia đình		

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a, Nghe hiểu lời nói

b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

113	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng, câu ghép.	* Hoạt động học: - DTV Dạy từ: đôi mắt, cái lưỡi, đôi tay, đôi tai, đánh răng, rửa mặt, bạn trai, bạn gái, giác quan	
		Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau. Bằng tiếng việt và tiếng Mông	Dạy câu: Bạn trai có mái tóc ngắn, Đôi mắt để nhìn, cái lưỡi để nếm vị thức ăn... + Thực hành: Đặt	

114	5	lệnh... - Khởi sướng cuộc trò chuyện.		câu hỏi bạn trai?... - Trẻ khởi sướng cuộc trò chuyện. Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép, câu phức... như: Con xin cô đi vệ sinh, Con xin cô bát cơm....
117	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi (Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc của địa phương qua góc thư viện)	* Hoạt động học: Văn học - Bài thơ: đau, cái lưỡi - Truyện: Mỗi người một việc - Đồng dao: Tay đẹp - Tục ngữ: Tay làm hàm nhai. Tay quai miệng trẻ. - Câu đố về một số bộ phận, giác quan trên cơ thể như: Cái miệng, đôi mắt, cái chân, cái tay... - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video...có sử dụng các từ chỉ các giác quan của cơ thể người. * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ giúp trẻ có thể kể lại truyện mà trẻ đã được nghe. - Kể chuyện theo tranh ở góc thư viện: Mỗi người một việc...
118	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ	` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. (Nghe những câu truyện của dân tộc, địa phương trẻ qua góc thư viện.) Bằng bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng Mông	
119		Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..	` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè trong góc thư viện.	
120	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại truyện đã được nghe. (trong góc thư viện)	
121	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)	
c. Làm quen với đọc viết				

136	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; đơn thuốc, hóa đơn bán hàng.	`Tập tô, tập đồ các nét chữ. Nhận dạng một số chữ cái.	* Hoạt động học: LQCV: `Làm quen chữ cái: a, ă, â, e, ê `Tập tô: a, ă, â * Hoạt động chơi:
137	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. ` Nhận dạng các chữ cái.	- Góc học tập: ` Tập tô, tập đồ các nét chữ, nhận dạng một số chữ cái trong vở tập tô. Dạy trẻ cách đỡ sách đúng chiều... Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Xem tranh ảnh về chủ đề bản thân. - Góc NT: Tô vẽ các nét đơn giản tạo thành bức tranh về chủ đề bản thân. - Góc phân vai: Khám bệnh, kê đơn thuốc, bán hàng viết hóa đơn bán hàng... ` Chơi ngoài trời: Chơi xếp hạt, vẽ, viết chữ cái.
138		Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt		
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội				
139	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, tên mẹ	` Tên, tuổi, giới tính, dân tộc, quyền con người	* Hoạt động học: PTTC ` Tôi và bạn bè (Tích hợp quyền con người) * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ

140	5	<p>Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.</p> <p>- Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.</p>	<p>Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)</p>	<p>về tên tuổi, giới tính, dân tộc, sở thích của bản thân: Con thích ăn món gì? Con thích chơi đồ chơi gì? Con không thích điều gì? Con biết con là dân tộc nào? Con có thể làm được việc gì giúp cô nào? Cô hướng dẫn trẻ trả lời và nói được điều bé thích hoặc không thích.</p>
141	4	<p>Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</p>		<p>` Thực hành: Bé giới thiệu về bản thân trẻ giới tính...sở thích của trẻ. Chơi ở các góc, chơi ngoài trời: Trẻ biết tự chọn đồ chơi, nhóm chơi mà trẻ thích.</p>
142	5	<p>Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.</p> <p>- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.</p>	<p>Sở thích, khả năng quyền con người của bản thân.</p>	<p>+ Con thích những gì? + Điều gì mà con không thích ` Trò chơi: Tìm bạn, nhận đúng tên mình</p>
143		<p>Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).</p>	<p>Điểm giống khác nhau của mình với người khác</p>	

150	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (ngạc nhiên 4t); (xấu hổ 5t) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (tranh ảnh 4t); âm nhạc 5t.		* Hoạt động chơi - Giờ đón trả trẻ: cô cho trẻ xem hình ảnh các khuôn mặt cảm xúc và trò chuyện với trẻ. ` Dạy trẻ nhận biết được giọng điệu nét mặt cử chỉ của cô giáo với việc được làm hoặc không được làm ` Dạy trẻ chơi cùng các bạn, quan tâm chia sẻ với các bạn cùng chơi qua giờ chơi góc, chơi ngoài trời... ` Thể hiện cảm xúc và kiềm chế cảm xúc khi chơi. ` Chia sẻ kinh nghiệm chơi với bạn, không tranh giành đồ dùng đồ chơi của bạn, dạy trẻ chơi đoàn kết ` Thực hành: Cho trẻ thể hiện cảm xúc và chọn mặt cảm xúc theo yêu cầu. ` Trò chơi: Tôi vui tôi buồn, Vì sao bé buồn?
151	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			
152	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.		` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	
153	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau	
154		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		` Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
163	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (lịch sự 5T)		* Hoạt động chơi: ` Cô trò chuyện, xem tranh ảnh, video trong giờ đón trả trẻ về cử chỉ, lời nói lễ phép ` Thực hành: Dạy
164	5				

				trẻ chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi	
165	4	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	` Lắng nghe khi cô, bạn nói	* Hoạt động chơi: - Đón trả trẻ: Cô trò chuyện, xem tranh ảnh, video về việc chú ý nghe cô và các bạn nói. ` Cô dạy trẻ biết chú ý nghe người khác nói trong các hoạt động	
166	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	` Lắng nghe ý kiến của người khác		

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

184	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra (4t)/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)		* Hoạt động học: Âm nhạc. ` Cho trẻ nghe các bài hát: Dạy đi thôi, tay thơm tay ngoan ` Nghe hát dân ca: Xòe hoa * Hoạt động chơi: ` Góc nghệ thuật: Hát các bài hát về chủ đề : Bản thân ` Trò chơi âm nhạc: Đoán tên bạn hát, giọng hát to giọng hát nhỏ	
185	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe nhạc dân ca của các dân tộc (dân ca Thái)		

186	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	<p>` Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát (Hát các bài hát bằng tiếng mẹ đẻ)</p> <p>` Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát</p>		<p>* Hoạt động học: Âm nhạc</p> <p>` DH: Bạn có biết tên tôi</p> <p>` VDMH: Mời bạn ăn</p> <p>* Hoạt động chơi:</p> <p>` Góc nghệ thuật: Hát và vận động các bài hát về chủ đề: Bản thân</p> <p>` Trò chơi âm nhạc: Đoán tên bạn hát, Giọng hát to, giọng hát nhỏ</p>
187	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
188	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	<p>` Vận động đơn giản/nhịp nhàng theo nhịp điệu/giai điệu của các bài hát, bản nhạc.</p>		
189	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	<p>` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp/tiết tấu</p>		
192	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	<p>Sử dụng các kỹ năng cắt xé dán tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét</p>		<p>* Hoạt động học: Tạo hình</p> <p>` Vẽ và tô màu bàn tay</p> <p>* Hoạt động chơi</p> <p>` Góc nghệ thuật:</p>

193	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục	Vẽ các giác quan và các bộ phận trên cơ thể, in hình bàn tay... ` GXD: Xây ngôi nhà, vườn rau, cửa hàng, khu chợ... ` Chơi ngoài trời: chơi với que tính, nan tre, khối, hạt, nút nhựa, nắp chai để xếp: Hình người và các bộ phận trên cơ thể như: Đầu, tay, chân, mắt, miệng...
194	4	Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kỹ năng cắt xé dán tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	* Hoạt động học: Tạo hình ` Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc * Hoạt động chơi: ` Góc NT: xé dán ngôi nhà, trang phục của bé
195	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục	` Chơi ngoài trời: Sử dụng và phối hợp các nguyên vật liệu thiên nhiên: Rơm, lá cây, hạt hạt...
202	4	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc chủ đề bản thân	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. ` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	* Hoạt động chơi: ` Góc nghệ thuật: Hát các bài hát về chủ đề bản thân . “Mời bạn ăn, bạn có biết tên tôi” ` Trò chơi âm nhạc:
203		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.Mời		Giọng hát to giọng hát nhỏ , đoán tên bạn hát

		bạn ăn , bạn có biết tên tôi		
204	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích: Mời bạn ăn , bạn có biết tên tôi	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. ` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).	
205		Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		

II. CHUẨN BỊ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh về chủ đề bản thân. Tranh thơ, giấy vẽ, bút, giấy màu. Hồ dán, đất nặn, kéo.

- Sưu tầm quần, áo, giày, dép, túi sách cũ các loại khác nhau nhưng còn đẹp. Hạt, hạt các loại và đảm bảo an toàn. - Bộ đồ chơi xây dựng. - Búp bê.

- Các loại vật liệu có sẵn: Rơm rạ, lá, len, bông, râu ngô.....

- Tranh ảnh , đồ dùng, đồ chơi chủ đề bản thân ; xoong, nồi, chảo, thìa bát, đũa , cốc chén...cho trẻ chơi giờ hoạt động góc

III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Cô cùng trẻ treo tranh ảnh về chủ đề bản thân, trang trí lớp theo chủ đề

- Trò chuyện đàm thoại với trẻ về chủ đề bản thân: Tên, tuổi, giới tính, dân tộc, sở thích, các giác quan trên cơ thể và chức năng của các giác quan đó. Giới thiệu một số món ăn, bốn nhóm thực phẩm cung cấp chất dinh dưỡng.

- Cùng trẻ khám phá một số trò chơi, bài hát, câu truyện liên quan đến chủ đề.

- Tuyên truyền tới phụ huynh thu lượm các đồ phế liệu để làm đồ dùng đồ chơi chủ đề bản thân.

P. HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

TỔ TRƯỞNG
(Duyệt)

**NGƯỜI XÂY DỰNG
KẾ HOẠCH**

Đinh Thị Hồng

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền

